

Số: 1526/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 4 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành  
Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn  
tỉnh Hà Tĩnh (Lĩnh vực Đất đai và Tài nguyên nước)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 769/STNMT-TTr ngày 14/4/2015 và Văn bản số 923/STNMT ngày 27/4/2015, kèm Văn bản số 411/STP-KSTT ngày 08/4/2015 của Sở Tư pháp và Văn bản số 377/SNV-CCHC ngày 27/4/2015 của Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Có danh mục TTHC và nội dung cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; bãi bỏ 34 (ba mươi tư) thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai trong Bộ Thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh, ban hành tại Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC, NL<sub>2</sub>.

Gửi

- + VB giấy (15b): TP TW, LĐ UBND tỉnh, Sở TNMT;
- + Điện tử: Thành phần còn lại.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**(đã ký)**

**Lê Đình Sơn**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TÀI  
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành  
Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà  
Tĩnh**

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Đất đai</b>
1	Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực đất đai ban  
hành kèm theo Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND  
tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã trên địa  
bàn tỉnh**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	T-HTI- 097137-TT	Xác nhận hồ sơ đăng ký biến động về sử dụng đất do đổi tên, giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên, thay đổi về quyền, thay đổi về nghĩa vụ tài chính	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của
2	T-HTI- 097198-TT	Xác nhận hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất ở; đất nông nghiệp giữa 02 hộ gia đình với nhau	Luật Đất đai. - Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
3	T-HTI- 097243-TT	Cung cấp thông tin địa chính theo yêu cầu	- Thông tư số 23/2014/TT-
4	T-HTI- 097302-TT	Xác nhận hồ sơ giao đất làm nhà ở mới cho hộ gia đình cá nhân tại địa phương	
5	T-HTI- 097574-TT	Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân, sử dụng đất tại phường	
6	T-HTI- 097590-TT	Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân, sử dụng đất tại xã, thị trấn	
7	T-HTI- 099206-TT	Xác nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	

8	T-HTI-099258-TT	Xác nhận hồ sơ tặng, cho quyền sử dụng đất.	<p>BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về GCNQSD đất, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> <p>- Thông tư số 76/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;</p> <p>- Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p>
9	T-HTI-099289-TT	Xác nhận hồ sơ đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép	
10	T-HTI-099336-TT	Xác nhận hồ sơ đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép	
11	T-HTI-099355-TT	Xác nhận hồ sơ giao đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác đối với hộ gia đình cá nhân	
12	T-HTI-099375-TT	Xác nhận hồ sơ thuê đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác đối với hộ gia đình cá nhân	
13	T-HTI-099452-TT	Xác nhận hồ sơ đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật	
14	T-HTI-099398-TT	Xác nhận hồ sơ đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc	
15	T-HTI-099463-TT	Xác nhận hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	
16	T-HTI-099478-TT	Xác nhận hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	
17	T-HTI-099486-TT	Xác nhận hồ sơ chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	
18	T-HTI-099590-TT	Xác nhận hồ sơ gia hạn sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp; hộ gia đình cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được nhà nước cho thuê đất nông nghiệp	
19	T-HTI-099658-TT	Xác nhận hồ sơ tách thửa đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
20	T-HTI-099676-TT	Xác nhận hồ sơ hợp thửa đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
21	T-HTI-099715-TT	Xác nhận hồ sơ đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất	
22	T-HTI-100560-TT	Xác nhận hồ sơ xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất	
23	T-HTI-100564-TT	Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp có kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai	
24	T-HTI-100616-TT	Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận QSD	

		đất trong trường hợp có quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai
25	T-HTI-100622-TT	Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận QSD đất trong trường hợp có quyết định hoặc bản án của TAND, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án
26	T-HTI-100624-TT	Xác nhận hồ sơ hợp thức hóa quyền sử dụng đất liền kề đối với hộ gia đình, cá nhân
27	T-HTI-100635-TT	Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền trước ngày 1/7/20104
28	T-HTI-100643-TT	Xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 1/7/2004 nhưng đang sử dụng đất mà đã nộp tiền để được sử dụng đất
29	T-HTI-100650-TT	Xác nhận hồ sơ đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất
30	T-HTI-100657-TT	Xác nhận hồ sơ xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất
31	T-HTI-100661-TT	Xác nhận hồ sơ đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
32	T-HTI-100669-TT	Xác nhận hồ sơ xóa đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất.
33	T-HTI-100677-TT	Cho thuê đất công ích (5%) do xã quản lý
34	T-HTI-100872-TT	Xác nhận chưa có đất ở tại địa phương

**PHẦN II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN**  
**QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG TẠI**  
**UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

**I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

**1. Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã**

1. Trình tự thực hiện.

Bước 1: Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã.

Bước 2: UBND cấp xã có trách nhiệm: thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.

Bước 3: Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, xóm đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại địa phương biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia.

Bước 4: Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng thì được coi là việc hòa giải không thành.

Bước 5: Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận được. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 6:

- Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

- Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì UBND cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá

nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì UBND cấp xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, xóm đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại địa phương biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phòng Tài nguyên và Môi trường tham gia.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu UBND cấp xã);

- Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.

8. Lệ phí (nếu có): Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định

chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.



## **II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

### **1. Đăng ký khai thác nước dưới đất**

#### 1. Trình tự thực hiện:

##### Bước 1: Tiếp nhận tờ khai:

- Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác nước dưới đất có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào mẫu tờ khai đã được tổ dân phố phát (02 bản) hoặc lấy mẫu này tại Bộ phận nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc trên website của Sở Tài nguyên và Môi trường...

- Sau khi ghi đầy đủ thông tin, hộ gia đình, cá nhân ký xác nhận và nộp trực tiếp tổ dân phố để gửi về UBND cấp xã hoặc gửi qua đường bưu điện cho UBND cấp xã.

Trường hợp chưa có giếng khoan, hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành khoan giếng.

##### Bước 2: Thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai.

##### Bước 3: Trả kết quả:

UBND cấp xã lưu 01 bản và gửi 01 bản cho hộ gia đình đăng ký qua Tổ dân phố hoặc qua hệ thống bưu điện.

#### 2. Các thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước;
- Qua đường bưu điện.

#### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

##### a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (theo Mẫu số 38).

##### b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

4. Thời gian giải quyết: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất được UBND cấp xã xác nhận.

8. Lệ phí (nếu có): Chưa quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất theo Mẫu số 38, ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Quyết định số 82/2014/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

**A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên chủ hộ:.....

1.2. Địa chỉ liên hệ:.....

1.3. Số điện thoại liên hệ (nếu có): .....

2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Vị trí công trình:..... (Ghi rõ thôn/xóm; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất)

2.2. Chiều sâu khai thác:.....(m);

2.3. Lượng nước khai thác, sử dụng: ..... ( $m^3$ /ngày đêm);

2.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước:.....

(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt của hộ gia đình)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

## **B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ**

*(Xác nhận, ký, đóng dấu)*

---

Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức/cá nhân xin đăng ký.
2. Vị trí công trình, lưu lượng khai thác và mục đích sử dụng nước.
3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo và trả Tờ khai thông qua Tổ trưởng tổ dân phố (*hoặc trưởng thôn, xóm*) để báo cho cơ quan quản lý hoặc thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.